

Số: 07/2023/CV-A7

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven**
 - Mã chứng khoán: **DL1**
 - Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành Phú Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187 Fax: 028.3736.7187
 - Email: info@a7group.vn
 - Website: <http://www.a7group.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven công bố thông tin**
 - Báo cáo tài chính Riêng lẻ năm 2022 đã kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán;
 - Công văn giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn:**
 - ⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>
 - ⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/giai-trinh-bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính Riêng lẻ năm 2022 đã kiểm toán;
- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán;
- Công văn Giải trình liên quan Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31/12/2022	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	12 – 41
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	42
8. Phụ lục 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	43



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven, 02 công ty con và 02 công ty liên kết (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và 02 công ty con và 02 công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (tên cũ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900437257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 08 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ : 1.062.360.940.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022 : 1.062.360.940.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DL1.

2. Trụ sở hoạt động**2.1 Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (283) 736 7187

Fax : +84 (283) 736 7187

Mã số thuế : 5 9 0 0 4 3 7 2 5 7

2.2 Các chi nhánh**Tên chi nhánh**

Bến xe Gia Lai – Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

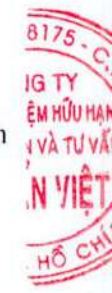
Địa chỉ

43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

2.3 Thông tin về công ty con và công ty liên kết

Thông tin về công ty con trong năm như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Lô I3 - 6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (*)	Thôn Quán Thê 1, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

Thông tin về công ty liên kết trong năm như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	Bất động sản	49,00	49,00	49,00	49,00	49,00	49,00
2. Công ty CP BOT&BT Đắc Nông	Số 04 Điện Biên Phủ, Tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

3. Ngành nghề hoạt động

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Trang trí nội thất;
- Dịch vụ thương mại;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất linh kiện điện tử..

**4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng****4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tân Tiến	Chủ tịch	12/07/2022	
Ông Đoàn Nguyên Tiêu	Chủ tịch	21/06/2020	12/07/2022
Ông Nguyễn Đình Trạc	Phó Chủ tịch	26/06/2021	
Ông Đặng Công Bình	Thành viên	12/07/2022	
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	12/07/2022	
Ông Đặng Văn Hậu	Thành viên	26/06/2021	12/07/2022
Ông Lee Tong Hun	Thành viên	21/06/2020	12/07/2022
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên	30/06/2019	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Giang	Trưởng ban	22/04/2022	
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng ban	26/06/2021	22/04/2022
Bà Trần Thị Vũ Thuận	Thành viên	22/04/2022	
Bà Hà Thị Thủy Trang	Thành viên	22/04/2022	
Bà Vũ Thị Hải	Thành viên	26/06/2021	22/04/2022
Bà Hồ Thị Mỹ Trinh	Thành viên	26/06/2021	22/04/2022

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	30/06/2021	
Bà Phạm Thị Bích Loan	Giám đốc chi nhánh	19/07/2022	
Ông Trần Đình Anh Dũng	Giám đốc chi nhánh	17/01/2022	19/07/2022
Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	06/05/2016	
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	14/05/2010	
Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	21/12/2007	

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này là Ông Nguyễn Đình Trạc – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 43.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8 Kiểm toán viênCông ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn.

9 Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Tổng Giám đốc

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Số 2241/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 (từ trang 08 đến trang 43), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Nguyễn Thanh Hồng - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		715.883.204.508	725.587.989.302
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	15.511.992.832	202.974.708.294
111	1. Tiền		15.511.992.832	202.974.708.294
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		300.000.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2	300.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		363.787.198.703	485.430.591.514
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	28.777.758.783	7.517.228.957
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.061.250.000	297.268.950.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	285.498.674.651	168.681.404.574
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	47.820.065.547	11.870.037.355
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.7	(672.700.000)	(145.990.880)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		302.149.722	238.961.508
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	22.277.540.153	26.703.604.789
141	1. Hàng tồn kho		22.291.715.751	26.717.780.387
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(14.175.598)	(14.175.598)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.306.472.820	10.479.084.705
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	452.972.565	305.890.111
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13.853.500.255	10.173.194.294
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.18	-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.220.700.909.953	1.285.111.343.262
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		605.716.659.789	284.380.375.307
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	485.022.457.980	229.350.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	120.694.201.809	55.030.375.307
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		782.890.280.127	57.772.292.071
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	782.556.478.945	57.592.711.103
222	- Nguyên giá		951.986.169.628	90.058.964.260
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(169.429.690.683)	(32.466.253.157)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	333.801.182	179.580.968
228	- Nguyên giá		589.565.000	371.795.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(255.763.818)	(192.214.032)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	-	125.899.963
231	- Nguyên giá		1.891.892.974	1.891.892.974
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.891.892.974)	(1.765.993.011)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		60.678.502.632	60.000.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	60.678.502.632	60.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.14	666.018.546.496	881.412.131.850
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		666.018.546.496	881.412.131.850
260	VI. Tài sản dài hạn khác		105.396.920.909	1.420.644.071
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	31.046.075.341	762.438.492
269	2. Lợi thế thương mại	V.15	74.350.845.568	658.205.579
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.936.584.114.461	2.010.699.332.564

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.609.615.576.422	859.113.759.960
310	I. Nợ ngắn hạn		598.904.952.382	498.913.759.960
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	24.896.883.672	36.260.371.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	7.505.981.794	4.637.566.280
314	4. Phải trả người lao động		3.517.488.504	3.409.702.202
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	39.907.969.660	4.539.041.096
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	-	6.363.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.20a	1.372.299.985	9.379.625.960
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21a	521.069.659.700	440.046.420.014
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		634.669.067	634.669.067
330	II. Nợ dài hạn		1.010.710.624.040	360.200.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.20b	12.092.000.000	200.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21b	998.618.624.040	360.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.326.968.538.039	1.151.585.572.604
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.326.968.538.039	1.151.585.572.604
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.062.360.940.000	1.011.773.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.062.360.940.000	1.011.773.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.049.485.820	1.049.485.820
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		663.498.805	663.498.805
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		121.278.789.893	138.099.057.979
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		75.976.783.361	92.846.895.530
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		45.302.006.532	45.252.162.449
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		141.615.823.521	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.936.584.114.461	2.010.699.332.564

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	279.285.104.532	100.694.340.695
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		279.285.104.532	100.694.340.695
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	154.405.590.014	94.707.327.895
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.879.514.518	5.987.012.800
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	71.867.559.186	44.441.723.316
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	125.460.106.806	18.104.455.851
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		122.424.127.308	13.487.506.920
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		25.468.279.263	20.178.769.889
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	1.480.396.089	937.314.637
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	26.223.747.337	1.761.183.532
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.051.102.735	49.804.551.985
31	12. Thu nhập khác		30.649.507	28.050.880
32	13. Chi phí khác		815.932.128	196.167.282
40	14. Lợi nhuận khác		(785.282.621)	(168.116.402)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		68.265.820.114	49.636.435.583
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	1.393.530.438	4.219.469.114
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		66.872.289.676	45.416.966.469
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		45.302.006.532	45.252.162.449
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		21.570.283.144	164.804.020
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	426	426
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	249	426

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

DVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.17	68.265.820.114	49.636.435.583
	2. Điều chỉnh cho các khoản		86.560.746.276	(29.061.578.211)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10,11,12,15	59.330.040.816	4.126.669.362
03	- Các khoản dự phòng		526.709.120	(2.985.824.402)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(95.720.130.968)	(43.689.930.091)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	122.424.127.308	13.487.506.920
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		154.826.566.390	20.574.857.372
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		191.076.184.560	(269.217.567.339)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.426.064.636	(25.009.196.006)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		255.085.508.608	(153.520.155.530)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(30.430.719.003)	(1.059.486.220)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		(300.000.000.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(107.728.234.553)	(8.118.081.812)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	-	(7.747.667.378)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	21.009.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		167.255.370.638	(444.076.287.913)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.11, 12	(1.935.595.419)	(60.130.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(372.489.728.057)	(255.146.399.087)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	410.781.192.254
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(239.178.769.889)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	16.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		47.765.488.450	14.247.433.660
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(326.659.835.026)	(113.426.543.062)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	162.710.532.303	760.000.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(190.768.783.377)	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(28.058.251.074)	760.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(187.462.715.462)	202.497.169.025
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	202.974.708.294	477.539.269
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	15.511.992.832	202.974.708.294

Người lập biểu/Kê toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và 02 Công ty con cùng 02 Công ty liên kết (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Mua bán đá, phân bón, nông sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán điện năng lượng mặt trời thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Trang trí nội thất;
- Dịch vụ thương mại;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất linh kiện điện tử.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Cuối năm trước, Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku (công ty con), mua mới Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (công ty con). Ngoài ra, từ thời điểm đầu năm nay (ngày 02/01/2022), Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận từ công ty liên kết thành công ty con. Mặt khác, tình hình dịch bệnh covid đã được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh đã ổn định trở lại. Do đó, làm cho doanh thu (hợp nhất) năm nay tăng 177,36% so với năm trước, lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (hợp nhất) năm nay tăng 47,51% so với năm trước.

6. Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất

6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con tại ngày 31/12/2022: 02 công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 công ty

Công ty con

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1. Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (“DLG Ansen”)	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (“DLG Ninh Thuận”) ^(*)	Sản xuất kinh doanh điện năng lượng mặt trời	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%

^(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2022: 02 Công ty

- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất (theo phương pháp vốn chủ sở hữu): 02 Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Bất động sản	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%
2. Công ty CP BOT&BT Đúc Long Đăk Nông	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 190 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 259 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con

Công ty con

Công ty con là các đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

1287
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
IẢN
P. H

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Tập đoàn đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

75 - C
TY
HỮU HẠ
TỰ V
VIỆT
5 CH

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05-08 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Tập đoàn hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

30312
CƠ
ẢNH NH
M TOÁN
CHỨ
5 - TP

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	685.134.691	394.662.028
Tiền gửi ngân hàng	14.826.858.141	202.580.046.266
Tổng cộng	15.511.992.832	202.974.708.294

2. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư ngắn hạn vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/NQ-HDQT-A7 ngày 23/09/2022.

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai chưa được giao dịch trên thị trường niêm yết do đó không đủ cơ sở để xác định giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2022.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan	1.912.770.477	63.342.015
- CN Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	136.000.000	63.342.015
- Ansen Electronics Company	1.776.770.477	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	26.864.988.306	7.453.886.942
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.097.403.832	-
- Các đối tượng khác	1.767.584.474	7.453.886.942
Cộng	28.777.758.783	7.517.228.957

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	191.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	191.000.000
Trả trước cho người bán khác	2.061.250.000	297.077.950.000
- Trả trước tiền mua cổ phần	-	296.500.000.000
- Các đối tượng khác	2.061.250.000	577.950.000
Cộng	2.061.250.000	297.268.950.000

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	68.800.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽¹⁾	68.800.000.000	-
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	216.698.674.651	168.681.404.574
- Lý Thị Bắc ⁽²⁾	26.352.557.733	27.352.557.733
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽³⁾	18.765.139.200	26.711.441.000
- Nguyễn Dương ⁽⁴⁾	20.800.000.000	25.800.000.000
- Nguyễn Thị Bích Ngà ⁽⁵⁾	21.155.184.094	25.155.184.094
- Mai Xuân Bình ⁽⁶⁾	18.217.399.836	6.317.507.268
- Trần Thị Quỳnh ⁽⁷⁾	17.200.000.000	17.200.000.000
- Phạm Thị Thanh Loan ⁽⁸⁾	16.243.900.000	-
- Hồ Thị Thu ⁽⁹⁾	76.964.493.788	30.538.966.746
- Công ty CP DV Bảo vệ Đức Long Gia Lai	-	170.000.000
- Các đối tượng khác	1.000.000.000	9.435.747.733
Cộng	285.498.674.651	168.681.404.574

⁽¹⁾ Là khoản cho Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long vay dài hạn đến hạn thu hồi (xem tại Thuyết minh V.4b), theo các Hợp đồng cho vay có thời hạn cho vay 12 tháng. Lãi suất từ 9% - 12%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng lợi nhuận từ Dự án Đức Long Golden Land do Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long làm chủ đầu tư theo Thỏa thuận số 01/2020/TTĐB-VGL-DLGNT ngày 20/07/2020. Hiện nay, Dự án này chưa được Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long hoàn thành đưa vào sử dụng. Tín chấp.

(2) Là khoản cho bà Lý Thị Bắc mượn tiền theo Hợp đồng số 01122021/HĐMT ngày 24/12/2021. Số tiền: 27.352.557.733 đồng. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất 7%/năm. Tính đến ngày 02/03/2023 Bà Lý Thị Bắc đã thanh toán toàn bộ số tiền mượn nêu trên.

(3) Là khoản cho Công ty TNHH Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai vay dài hạn đến hạn thu hồi (xem chi tiết Thuyết minh V.4b).

(4) Là khoản cho ông Nguyễn Đương vay theo Hợp đồng vay vốn số 01062021/HĐVV ngày 02/06/2021. Số tiền: 25.800.000.000 đồng. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: 7%/năm. Tín chấp. Tính đến ngày 03/03/2023 Ông Nguyễn Đương đã thanh toán toàn bộ số tiền mượn nêu trên.

(5) Là khoản cho bà Nguyễn Thị Bích Nga vay theo Hợp đồng vay vốn số 02062021/HĐVV ngày 02/06/2021. Số tiền vay: 25.155.184.094 đồng. Thời hạn: không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất 7%/năm. Tín chấp. Tính đến ngày 03/03/2023 Bà Nguyễn Thị Bích Nga đã thanh toán toàn bộ số tiền mượn nêu trên.

(6) Là khoản cho Ông Mai Xuân Bình vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2022/HĐCT ngày 01/07/2022. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất: 7,2%/năm. Tín chấp.

(7) Là khoản cho Bà Trần Thị Quỳnh theo Hợp đồng vay vốn số 108/HĐCT ngày 20/11/2021 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất 7,2%/năm. Tín chấp.

(8) Là khoản cho Bà Phạm Thị Thanh Loan vay theo Hợp đồng vay vốn số 04/HĐCT ngày 01/03/2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất: 7,2%/năm. Tín chấp.

(9) Là khoản cho bà Hồ Thị Thu vay theo các hợp đồng số 08/2022/HĐCT ngày 01/07/2022, số 01012022/HĐMT ngày 07/01/2022. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất: 7,2%/năm. Tín chấp.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	112.900.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽¹⁾	112.900.000.000	
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	372.122.457.980	229.350.000.000
- Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽²⁾	168.650.000.000	168.650.000.000
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai ⁽³⁾	60.700.000.000	60.700.000.000
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽⁴⁾	120.000.000.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽⁵⁾	10.000.000.000	-
- Phạm Thị Hiền ⁽⁶⁾	10.000.000.000	-
- Hồ Thị Thu ⁽⁷⁾	2.772.457.980	-
Cộng	485.022.457.980	229.350.000.000

(1) Là khoản cho Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long vay theo các Hợp đồng cho vay có thời hạn không quá 12 tháng. Lãi suất từ 9% - 12%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng lợi nhuận từ Dự án Đức Long Golden Land do Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long làm chủ đầu tư theo Thỏa thuận số 01/2020/TTĐB-VGL-DLGNT ngày 20/07/2020. Hiện nay, Dự án này chưa được Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long hoàn thành đưa vào sử dụng. Tín chấp.

(2) Là khoản cho Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 118/2019/HĐCT ngày 25/8/2019 và các phụ lục hợp đồng kèm theo; Hợp đồng vay vốn số 119/2020/HĐCT ngày 18/3/2020 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Tín chấp.

(3) Là khoản cho Công ty CP Trồng rừng và Cây CN Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 118/2020/HĐCT ngày 18/3/2020 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Tín chấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- (4) Là khoản cho Công Ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo Hợp đồng vay vốn số 03/2022/HĐCT ngày 03/01/2022. Thời hạn cho vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm.
- (5) Là khoản cho Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 02/2022/HĐCT ngày 02/01/2022. Thời hạn cho vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Tín chấp.
- (6) Là khoản cho bà Phạm Thu Hiền vay theo hợp đồng vay vốn số 1310022/HĐMT ngày 13/10/2022. Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất 7%/năm. Tín chấp.
- (7) Là khoản cho bà Hồ Thị Thu vay theo hợp đồng vay vốn số 01092022/HĐMT ngày 20/09/2022. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất 7%/năm. Tín chấp.

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	29.013.610.959	-
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long (lãi cho vay)	2.913.610.959	-
- Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông (cổ tức)	26.100.000.000	-
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	18.806.454.588	11.870.037.355
- Lãi cho vay phải thu	18.417.746.410	11.870.037.355
- Tạm ứng nhân viên	208.500.000	-
- Các khoản phải thu khác	180.208.178	-
Cộng	47.820.065.547	11.870.037.355

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	30.317.142.624	2.064.375.501
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long (lãi cho vay)	28.252.767.123	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	90.377.059.185	52.965.999.806
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai (lãi cho vay)	55.868.862.782	36.980.444.498
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai (lãi cho vay)	21.204.081.735	15.247.166.667
- Các đối tượng khác (lãi cho vay)	13.304.114.668	738.388.641
Cộng	120.694.201.809	55.030.375.307

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.041.000.000	728.300.000		145.990.880	-
- Công ty TNHH MTV TM Hùng Nhân Gia Lai	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.041.000.000	728.300.000	Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
- Khác	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	145.990.880	-
Cộng		1.041.000.000	728.300.000		145.990.880	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(145.990.880)	(3.145.990.880)
Trích lập dự phòng bổ sung	(672.700.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	145.990.880	3.000.000.000
Số cuối năm	(672.700.000)	(145.990.880)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	14.703.724.568	(14.175.598)	20.947.016.174	(14.175.598)
- Công cụ dụng cụ	1.183.118.919	-	513.655.633	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.205.640.753	-	-	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	4.199.231.511	-	5.257.108.580	-
- Hàng hoá	-	-	-	-
Cộng	22.291.715.751	(14.175.598)	26.717.780.387	(14.175.598)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là các vật tư dùng sản xuất các linh kiện điện tử.

⁽²⁾ Thành phẩm chủ yếu là các linh kiện điện tử các loại.

12
ÔN
NH
DÁP
JÁ
TP.

9. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Tình hình biến động:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	305.890.411	163.027.909
- Tăng trong năm	928.091.380	1.390.466.741
- Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm		228.543.568
- Phân bổ trong năm	(781.009.226)	(1.476.147.807)
Số cuối năm	452.972.565	305.890.411

Chi tiết số dư:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	125.880.146	170.281.117
- Chi phí khác	327.092.419	135.609.294
Cộng	452.972.565	305.890.411

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	762.438.492	504.020.353
- Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên	31.039.626.151	191.098.596
- Tăng trong năm	2.785.787.674	308.181.818
- Phân bổ trong năm	(3.541.776.976)	(240.862.275)
Số cuối năm	31.046.075.341	762.438.492

Chi tiết số dư:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	29.118.585.258	-
- Công cụ, dụng cụ	417.771.886	399.134.733
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.280.478.715	303.375.909
- Chi phí khác	229.239.482	59.927.850
Cộng	31.046.075.341	762.438.492

(*) Theo các Hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTD ngày 26/06/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 15.828,60 m² (được cấp GCNQSDĐ số 159262); Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ngày 31/01/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 560.087,20 m² (được cấp GCNQSDĐ số 364963). Giá trị còn lại này của chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp GCNQSDĐ dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh V.21).

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.

8175
IG TY
EM HUI
I VA T
N VI
HO

11. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	371.795.000	371.795.000
2. Tăng trong năm	217.770.000	217.770.000
- Tăng do mua mới	70.000.000	70.000.000
- Tăng do hợp nhất công ty con năm đầu tiên	147.770.000	147.770.000
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	589.565.000	589.565.000
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	58.625.000	58.625.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	192.214.032	192.214.032
2. Tăng trong năm	63.549.786	63.549.786
- Khấu hao	56.389.127	56.389.127
- Tăng do hợp nhất công ty con năm đầu tiên	7.160.659	7.160.659
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	255.763.818	255.763.818
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	179.580.968	179.580.968
2. Tại ngày cuối năm	333.801.182	333.801.182

12. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Kiốt cho thuê	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
2. Số dư cuối năm	1.891.892.974	1.891.892.974
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.891.892.974	1.891.892.974
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.765.993.011	1.765.993.011
2. Tăng trong năm	125.899.963	125.899.963
- Khấu hao trong năm	125.899.963	125.899.963
3. Số dư cuối năm	1.891.892.974	1.891.892.974
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	125.899.963	125.899.963
2. Tại ngày cuối năm	-	-

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.482.431.806	600.793.260
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	125.899.963	126.239.316
Lãi/(Lỗ) từ kinh doanh bất động sản đầu tư	1.356.531.843	474.553.944

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh đang trong quá trình xây dựng, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 003781 vào tháng 10 năm 2021 giữa Bà Trần Thị Lan Phương với Công ty. Công ty đang thực hiện triển khai Dự án Tòa nhà văn phòng tại khu đất này.

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc
- Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long ⁽¹⁾	Bất động sản	49%	447.578.934.010	49%	447.578.934.010
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận ⁽²⁾	Sản xuất truyền tải điện	-	-	50%	202.000.000.000
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông ⁽³⁾	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29%	201.187.500.000	29%	217.500.000.000
Cộng			648.766.434.010		867.078.934.010

⁽¹⁾ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306050079 ngày 02/10/2008 và thay đổi lần thứ 8 ngày 16/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngành nghề hoạt động chính là bất động sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (số đầu năm là 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ).

⁽²⁾ Chuyển thành công ty con từ ngày 01/01/2022.

⁽³⁾ Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắc Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).



Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Công ty CP BOT&BT Đúc Long Đắc Nông	Cộng
Giá trị đầu tư				
-Số đầu năm	447.578.934.010	202.000.000.000	217.500.000.000	867.078.934.010
-Tăng giá trị đầu tư	-	-	-	-
- Giảm giá trị đầu tư		(202.000.000.000)	(16.312.500.000)	(218.312.500.000)
+Chuyển sang khoản đầu tư vào công ty con	-	(202.000.000.000)	-	(202.000.000.000)
+ Nhận cổ tức của giai đoạn trước ngày đầu tư	-	-	(16.312.500.000)	(16.312.500.000)
-Số cuối năm	447.578.934.010	-	201.187.500.000	648.766.434.010
Phân lũy kế lãi/(lỗ) lợi nhuận sau khi mua				
-Số đầu năm	684.637.237	12.761.864.617	886.695.986	14.333.197.840
-Phân lãi/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh trong năm	12.128.833	-	25.456.150.430	25.468.279.263
-Chuyển sang khoản đầu tư vào công ty con	-	(12.761.864.617)	-	(12.761.864.617)
- Loại trừ hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu về cổ tức nhận được trong năm	-	-	(9.787.500.000)	(9.787.500.000)
-Số cuối năm	696.766.070	-	16.555.346.416	17.252.112.486
Giá trị ghi sổ				
Số đầu năm	448.263.571.247	214.761.864.617	218.386.695.986	881.412.131.850
Số cuối năm	448.275.700.080	-	217.742.846.416	666.018.546.496

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (thời gian phân bổ: 10 năm)	658.205.579	-	(66.373.672)	591.831.907
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (thời gian phân bổ: 10 năm)	-	81.954.459.623	(8.195.445.962)	73.759.013.661
Cộng	658.205.579	81.954.459.623	(8.261.819.634)	74.350.845.568

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	4.597.433.474	3.381.230.921
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	1.540.000.000	-
- Ansen Electronics Company	3.057.433.474	3.381.230.921
<i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i>	20.299.450.198	32.879.140.784
- Công ty TNHH Nhựa Kỹ thuật Sakura	6.080.875.935	5.232.097.156
- Công ty TNHH CNS Amura Precision	3.539.872.623	3.417.113.063
- Các đối tượng khác	10.678.701.640	24.229.930.565
Cộng	24.896.883.672	36.260.371.705

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp tăng/(giảm) từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	8.239.840.873	628.437.527	(7.957.799.704)	910.478.696	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu			105.237.456	-	(105.237.456)		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.013.429.254	-	1.393.530.438	-	-	5.406.959.692	-
- Thuế thu nhập cá nhân	46.737.614	-	1.293.431.219	38.227.525	(1.344.197.837)	34.198.521	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	568.642.800	-	740.317.298	-	(171.674.497)	1.137.285.601	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	8.756.612	-	154.471.050	-	(146.168.378)	17.059.284	-
Cộng	4.637.566.280	-	11.926.828.334	666.665.052	(9.725.077.872)	7.505.981.794	-

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

031
CỔ
CH NI
I TOA
HU
- TP

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% và 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.265.820.114	49.636.435.583
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	35.193.333.018	6.010.705.430
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	26.931.513.384	1.629.810.051
+ Lỗ từ việc thoái vốn công ty con thể hiện trên báo cáo hợp nhất		4.375.364.240
+ Phân bổ lợi thế thương mại	8.261.819.634	5.531.139
- Các khoản điều chỉnh giảm	(25.468.278.038)	(20.178.769.889)
+ Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết	(25.468.278.038)	(20.178.769.889)
Thu nhập chịu thuế	77.990.873.869	35.468.371.124
Thu nhập được miễn thuế	(68.169.091.869)	(3.571.795.846)
Chuyển lỗ	(2.837.066.365)	-
Thu nhập tính thuế	6.984.715.635	31.896.575.278
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10%	34.126.898	3.515.020.355
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	6.950.588.737	28.381.554.923
Thuế TNDN phải nộp theo thu nhập tính thuế	1.393.530.438	6.027.813.020
Thuế TNDN được giảm 30%	-	(1.808.343.906)
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	1.393.530.438	4.219.469.114

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	25.200.000.000	789.041.096
- Chi phí quản lý vận hành đường dây truyền tải điện	9.407.969.660	-
- Chi phí thuê nhà xưởng	5.300.000.000	3.750.000.000
Cộng	39.907.969.660	4.539.041.096

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	-	6.363.636
Cộng	-	6.363.636

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay phải trả cho các bên liên quan	-	9.715.066.149
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328.600.000	-
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN phải nộp	302.436.293	697.256.681
- Phải trả khác	741.263.692	734.827.259
Cộng	1.372.299.985	9.379.625.960

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.892.000.000	-
Công ty TNHH Mass Noble Investments	11.892.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	200.000.000
Cộng	12.092.000.000	200.000.000

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**Tình hình biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay tăng từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên	Số tiền vay phát sinh tăng do chênh lệch tỷ giá	Bù trừ Chi phí - Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng, tổ chức, cá nhân	400.046.420.014	162.710.532.303	747.589.564.040	110.550.760	-	(190.768.783.377)	1.119.688.283.740
- Phát hành trái phiếu	400.000.000.000	-	-	-	-	-	400.000.000.000
Cộng	800.046.420.014	162.710.532.303	747.589.564.040	110.550.760	-	(190.768.783.377)	1.519.688.283.740

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phát hành trái phiếu ⁽¹⁾	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức (VND) ⁽²⁾	-	-	25.928.710.339	25.928.710.339
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức (USD) ⁽²⁾	40.110.372.720 (#1.621.900 USD)	40.110.372.720 (#1.621.900 USD)	14.117.709.675 (#613.147 USD)	14.117.709.675 (#613.147 USD)
- Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽³⁾	56.959.287.000	56.959.287.000	-	-
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hường Việt ⁽⁴⁾	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
- Hồ Thị Mỹ Trinh ⁽⁵⁾	9.999.999.980	9.999.999.980	-	-
Cộng	521.069.659.700	521.069.659.700	440.046.420.014	440.046.420.014

(1) Đây là các khoản huy động vốn bằng việc phát hành trái phiếu riêng lẻ theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam bao gồm 2 (hai) Trái phiếu với tổng mệnh giá là 400.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Trái phiếu DL1H2122001 với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Trái phiếu DL1H2122002 với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2022. Trái phiếu này đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục hoán đổi sang cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022 của Công ty.
- Lãi suất 8%/năm, lãi vay được thanh toán theo kỳ hạn trả nợ lãi là 6 tháng/lần. Loại trái phiếu: không chuyên đổi, không kèm chứng quyền và không tài sản đảm bảo.
- Mục đích phát hành trái phiếu là tăng quy mô vốn hoạt động và thực hiện chương trình, dự án đầu tư của công ty, cụ thể như sau:
 - + Mua tối đa 10.000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai: 300.000.000.000 đồng.
 - + Bổ sung vốn lưu động: tối đa 100.000.000.000 đồng.

Chi tiết số dư như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị trái phiếu phát hành bằng mệnh giá	400.000.000.000	400.000.000.000
Trong đó:		
+ Hồ Minh Thành	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Trần Văn Phương	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Hoàng Thị Kim Hiếu	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Nguyễn Thị Lệ Hòa	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Nguyễn Thị Út	80.000.000.000	80.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(300.000.000)	-
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	300.000.000	-
Giá trị còn lại	400.000.000.000	400.000.000.000

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thủ Đức theo Hợp đồng vay số 047/2021-HĐCVHM/NHCT947-ANSEN ngày 23/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 012/2021-HĐCV-SĐBS01/NHCT947-ANSEN ngày 30/09/2021:

- Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay;
- Thời hạn vay được ghi nhận trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Hồ Hải Đăng theo Hợp đồng thế chấp số 154/2021/HĐBĐ/NHCT947 ngày 21/06/2021.

(3) Là khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông đến hạn trả (xem tại Thuyết minh V.21b).

(4) Là khoản vay Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt theo Hợp đồng vay tháng 6 năm 2022. Số tiền vay: 9.600.000.000 đồng. Thời hạn vay: không quá 12 tháng. Lãi suất vay: 9%/năm. Tín chấp.

(5) Là khoản vay Hồ Thị Mỹ Trinh theo Hợp đồng vay tháng 6 năm 2022. Số tiền vay: 9.600.000.000 đồng. Thời hạn vay: không quá 12 tháng. Lãi suất vay: 9%/năm. Tín chấp.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác	998.618.624.040	998.618.624.040	140.000.000.000	140.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽¹⁾	638.618.624.040	638.618.624.040	-	-
Nguyễn Thanh Lâm ⁽²⁾	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Nguyễn Tường Cột ⁽³⁾	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Đặng Vũ Bình ⁽⁴⁾	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Võ Thị Thu Hằng ⁽⁵⁾	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Nguyễn Tuấn Vũ ⁽⁶⁾	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	998.618.624.040	998.618.624.040	360.000.000.000	360.000.000.000

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00009/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019 và Hợp đồng tín dụng số 00010/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất theo từng kỳ ước nhận nợ. Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời Thuận Nam Đức Long (gọi tắt là “Dự án”).

Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của Dự án (xem Thuyết minh V.10) và GCNQSDĐ số 364963 với diện tích 560.087,2 m², GCNQSDĐ số 159262 với diện tích 15.828,6 m², chi tiết giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng (xem Thuyết minh V.9).

(2) Là khoản vay của ông Nguyễn Thanh Lâm theo Hợp đồng số 01/HĐMT ngày 12 tháng 10 năm 2021. Thời hạn vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

(3) Là khoản vay của ông Nguyễn Tường Cột theo Hợp đồng số 05/HĐMT ngày 29 tháng 10 năm 2021. Thời hạn vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp. Ông Nguyễn Tường Cột đã miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT và Giám đốc từ ngày 30/06/2021 và từ lúc này không còn là bên liên quan. Các giao dịch phát sinh và số dư của Ông Nguyễn Tường Cột phát sinh khi không còn là bên liên quan.

(4) Là khoản vay của ông Đặng Vũ Bình theo Hợp đồng số 03/HĐMT ngày 21 tháng 10 năm 2021. Thời hạn vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

(5) Là khoản vay của bà Võ Thị Thu Hằng theo Hợp đồng số 04/HĐMT ngày 28 tháng 10 năm 2021. Thời hạn vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

(6) Là khoản vay của ông Nguyễn Tuấn Vũ theo Hợp đồng số: 02/HĐMT ngày 20 tháng 10 năm 2021. Thời hạn vay: trên 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiết xem **Phụ lục 02** đính kèm.



22b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
+ Vốn góp tăng trong năm (tăng từ chia cổ tức bằng cổ phiếu) (*)	50.587.410.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.062.360.940.000	1.011.773.530.000

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ kết quả kinh doanh của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2021 ngày 26/6/2021 và Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT-A7 ngày 7/1/2022 phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chia cổ tức. Theo đó, 100 cổ phiếu hiện hữu nhận được 5 cổ phiếu.

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	106.236.094	101.177.353
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	106.236.094	101.177.353
- Cổ phiếu phổ thông	106.236.094	101.177.353
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.236.094	101.177.353
- Cổ phiếu phổ thông	106.236.094	101.177.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán phân bón	-	53.798.782.000
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	103.371.489.498	21.741.908.634
- Doanh thu bán đá	-	12.194.580.800
- Doanh thu bến bãi	10.478.255.077	5.854.837.254
- Doanh thu bán điện mặt trời	164.800.673.535	5.956.456.462
- Doanh thu vận chuyển và khác	634.686.422	1.147.775.545
Cộng	279.285.104.532	100.694.340.695

Trong đó giá trị giao dịch với các bên liên quan năm nay là 104.115.112.071 đồng (năm trước là 737.340.599 đồng) (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2).

312
CỘNG
HÀNH
TOÁN
HỮU
TP.

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán phân bón	-	53.731.296.400
- Giá vốn linh kiện điện tử đã bán	91.065.152.423	18.551.686.174
- Giá vốn bán đá	-	12.185.572.520
- Giá vốn bến bãi	5.715.003.106	5.870.694.746
- Giá vốn bán điện mặt trời	56.085.727.071	2.441.265.618
- Giá vốn vận chuyển và khác	1.539.707.414	1.926.812.437
Cộng	154.405.590.014	94.707.327.895

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và lãi cho vay	70.251.851.705	43.689.930.091
- Doanh thu tài chính khác	1.615.707.481	751.793.225
Cộng	71.867.559.186	44.441.723.316

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	122.424.127.308	13.487.506.920
- Chi phí tài chính khác	3.035.979.498	4.616.948.931
Cộng	125.460.106.806	18.104.455.851

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	693.193.678	834.488.674
- Các chi phí bán hàng khác	787.202.411	102.825.963
Cộng	1.480.396.089	937.314.637

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	11.543.491.299	2.462.464.927
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.192.655.058	718.706.844
- Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	526.709.120	(3.000.000.000)
- Phân bổ lợi thế thương mại	8.261.819.634	5.531.139
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.699.072.226	1.574.480.622
Cộng	26.223.747.337	1.761.183.532

8175
G TY
EM HUU
VA TU
N YU
HO C

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước <i>(trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	45.302.006.532	45.252.162.449
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	45.302.006.532	45.252.162.449
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) ^(*)	106.236.094	106.236.094
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	426	426

() Theo sự kiện chia cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty được trình bày tại Thuyết minh V.22b, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do điều chỉnh hồi tố từ sự kiện này.*

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	45.302.006.532	45.252.162.449
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	45.302.006.532	45.252.162.449
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	106.236.094	101.177.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm sau ngày cuối năm (CP) ^(*)	76.000.000	5.058.741
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	249	426

() Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm sau ngày cuối năm nay được dự tính theo sự kiện sẽ chuyển đổi 760.000.000.000 đồng trái phiếu và nợ vay dài hạn thành cổ phiếu (với tỷ lệ chuyển đổi 10.000 đồng nợ thành 1 cổ phiếu).*

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.035.782.207	14.676.444.567
- Chi phí nhân công	27.654.022.702	7.074.662.969
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.068.221.182	4.126.669.362
- Phân bổ lợi thế thương mại	8.261.819.634	5.531.139
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	21.464.750.806	6.726.689.149
Cộng	183.484.596.531	32.609.997.186



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	180.000.000	-
- Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	131.880.000	115.005.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	134.280.000	121.905.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	133.950.000	87.087.500
- Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/06/2021)	-	91.438.462
Cộng		580.110.000	415.435.962

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên chủ chốt	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Hồ Thị Mỹ Trinh (TV BKS miễn nhiệm ngày 22/04/2022)	Cho vay	-	3.877.003.974
	Lãi cho vay	-	1.261.257.581
	Thu hồi nợ vay	-	39.494.003.974
	Thu hồi lãi vay	-	3.419.411.344
Ông Phạm Tiến Dũng (Phó Giám đốc)	Tạm ứng	-	8.400.000
	Hoàn tạm ứng	-	14.995.000
	Chi khác	15.700.000	104.454.000
Bà Trần Bửu Kiều (TV BKS miễn nhiệm ngày 26/06/2021)	Tạm ứng	-	6.000.000
	Hoàn tạm ứng	-	6.447.953
Ông Nguyễn Tường Cột (Giám đốc miễn nhiệm ngày 30/06/2021) ^(*)	Tạm ứng	-	28.500.000
	Hoàn tạm ứng	-	90.671.000

(*) Đây là các giao dịch phát sinh trong thời gian còn là bên liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Global Capital	Cổ đông lớn của Công ty (chiếm 17,00% vốn điều lệ)
2. Ông Bùi Pháp	Cổ đông lớn của Công ty (chiếm 24,01% vốn điều lệ)
3. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ)
4. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông (“BOT Đắc Nông”)	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 29% vốn điều lệ)
5. Ông Đặng Công Bình	Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của DLG Ansen
6. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku (“Phú Thành Gia”)	Công ty con của Công ty đến ngày 06/12/2021
7. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (“DLG”)	Chung cổ đông lớn (Bùi Pháp)
8. Chi nhánh Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chi nhánh trực thuộc DLG
9. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (“Xây dựng ĐLGL”)	Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng ĐLGL
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất (“Đức Long Dung Quốc”)	Xây dựng ĐLGL là cổ đông lớn của Đức Long Dung Quất; Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng ĐLGL
11. Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited	Cùng thành viên chủ chốt với Công ty (Nguyễn Đình Trạc)
12. Ansen Electronics Company	Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited là công ty chi phối hoạt động kinh doanh của Ansen Electronics Company
13. Công ty CP DV Đức Long Gia Lai	Có chung người chủ chốt với Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (ông Đặng Công Bình)

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
1. Công ty TNHH Global Capital	Không phát sinh		
2. Ông Bùi Pháp	Không phát sinh		
3. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	DLG Ninh Thuận cho vay	68.800.000.000	29.800.000.000
	DLG Ninh Thuận ghi nhận lãi cho vay	16.399.210.959	-
4. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông	Cổ tức được nhận	26.100.000.000	-
5. Ông Đặng Công Bình	Không phát sinh		
6. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku (bên liên quan đến ngày 06/12/2021)	BOT Đắc Nông ghi nhận lãi cho vay	-	80.334.247
	DLG cho vay	-	1.283.200.000
	DLG ghi nhận lãi cho vay	-	4.602.141.614
	DLG mua hàng	-	19.901.380.800
7. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê ki ốt	1.056.000.000	1.056.000.000
	Thuê xe buýt	528.000.000	633.600.000
	Thuê mái nhà	240.000.001	264.000.000
	Cho thuê xe	218.181.818	218.181.819

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
	Cho vay	-	8.240.600.000
	Lãi cho vay	-	306.893.798
8. Chi nhánh Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cung cấp điện mặt trời	514.440.755	519.158.781
9. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Cho thuê văn phòng	11.000.000	-
	Khác	62.400.000	-
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Phụ Thành Gia ghi nhận lãi cho vay	-	6.107.832.603
11. Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited	Không phát sinh		
12. Ansen Electronics Company	Bán hàng	103.371.489.498	-
	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	30.127.492.403	-
	Mua tài sản cố định	1.089.528.725	
13. Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	Không phát sinh		

Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư cuối năm các bên liên quan

Xem tại các mục thuyết minh V.3, V.4, V.5, V.6, V.16, V.20.

3. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn dùng tài sản của Tập đoàn (Công trình mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai (xem Thuyết minh V.10)) để đảm bảo thanh toán cho các khoản phát hành trái phiếu ngày 31/12/2014 của bên thứ 3 (chung cổ đông lớn). Khoản bảo lãnh này đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua theo Biên bản họp số 08/BB-HĐQT ngày 05/12/2014.

Tài sản đảm bảo của bên thứ ba

Tập đoàn được bên thứ 3 bảo lãnh cho khoản vay của Tập đoàn bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh V.21).

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm nay	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán phân bón	-	-	-
Bán linh kiện điện tử	103.371.489.498	91.065.152.423	12.306.337.075
Bán đá	-	-	-
Dịch vụ bến bãi	10.478.255.077	5.715.003.106	4.763.251.971
Điện mặt trời	164.800.673.535	56.085.727.071	108.714.946.464
Dịch vụ vận chuyển và khác	634.686.422	1.539.707.414	(905.020.992)
Cộng	279.285.104.532	154.405.590.014	124.879.514.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<i>Năm trước</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán phân bón	53.798.782.000	53.731.296.400	67.485.600
Bán linh kiện điện tử	21.741.908.634	18.551.686.174	3.190.222.460
Bán đá	12.194.580.800	12.185.572.520	9.008.280
Dịch vụ bến bãi	5.854.837.254	5.870.694.746	(15.857.492)
Điện mặt trời	5.956.456.462	2.441.265.618	3.515.190.844
Dịch vụ vận chuyển và khác	1.147.775.545	1.926.812.437	(779.036.892)
Cộng	100.694.340.695	94.707.327.895	5.987.012.800

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022 phê duyệt Phương án hoán đổi khoản nợ 760.000.000.000 đồng (trong đó nợ phát hành trái phiếu 400.000.000.000 đồng, nợ vay dài hạn 360.000.000.000 đồng) thành cổ phần, với tỷ lệ hoán đổi là 10.000 đồng nợ thành 1 cổ phần. Công ty đang thực hiện các thủ tục để thực hiện việc chuyển đổi này. Đến nay, chưa có kết quả của việc hoán đổi.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH**NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phụ lục số 1**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	35.172.042.261	42.019.664.627	10.178.490.602	2.688.766.770	90.058.964.260
2. Tăng trong năm	60.846.769.023	801.080.436.345	-	-	861.927.205.368
- Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên	60.846.769.023	799.893.343.558	-	-	860.740.112.581
- Tăng mua mới trong năm	-	1.187.092.787	-	-	1.187.092.787
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	96.018.811.284	843.100.100.972	10.178.490.602	2.688.766.770	951.986.169.628
Trong đó: TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.762.722.342	20.924.395.135	5.828.322.602	2.484.351.570	39.999.791.649
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm	16.212.664.878	8.440.347.348	6.824.962.391	988.278.540	32.466.253.157
2. Tăng trong năm	131.139.612.786	4.553.592.933	939.187.128	331.044.679	136.963.437.526
- Khấu hao trong năm	45.086.231.533	4.529.468.752	939.187.128	331.044.679	50.885.932.092
- Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên	86.053.381.253	24.124.181	-	-	86.077.505.434
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	147.352.277.664	12.993.940.281	7.764.149.519	1.319.323.219	169.429.690.683
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	18.959.377.383	33.579.317.279	3.353.528.211	1.700.488.230	57.592.711.103
2. Tại ngày cuối năm (*)	(51.333.466.380)	830.106.160.691	2.414.341.083	1.369.443.551	782.556.478.945

(*) Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình thế chấp cho khoản vay của Tập đoàn là 735.501.081.432 đồng (xem Thuyết minh V.21); bảo lãnh cho các khoản phát hành trái phiếu của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (chung cổ đông lớn) là 4.047.340.728 đồng (Xem tại mục VII.3).

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021						
Tại ngày 01/01/2021	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	92.846.895.530	2.929.037.041	1.109.262.447.196
Tăng trong năm	-	-	-	45.252.162.449	164.804.020	45.416.966.469
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	45.252.162.449	164.804.020	45.416.966.469
Giảm trong năm	-	-	-	-	(3.093.841.061)	(3.093.841.061)
- Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	(3.093.841.061)	(3.093.841.061)
Tại ngày 31/12/2021	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	138.099.057.979	-	1.151.585.572.604
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022						
Tại ngày 01/01/2022	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	138.099.057.979	-	1.151.585.572.604
Tăng trong năm	50.587.410.000	-	-	46.529.006.532	141.615.823.521	238.732.240.053
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	45.302.006.532	21.570.283.144	66.872.289.676
- Tăng do hợp nhất công ty con năm đầu tiên	-	-	-	-	120.045.540.377	120.045.540.377
- Tăng từ phân chia cổ tức bằng cổ phiếu	50.587.410.000	-	-	-	-	50.587.410.000
- Tăng khác	-	-	-	1.227.000.000	-	1.227.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	(63.349.274.618)	-	(63.349.274.618)
- Phân chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(50.587.410.000)	-	(50.587.410.000)
- Chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư khi chuyển khoản đầu tư từ công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	(12.761.864.618)	-	(12.761.864.618)
Tại ngày 31/12/2022	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	121.278.789.893	141.615.823.521	1.326.968.538.039

(*) Tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022:

	Tại ngày 01/01/2022	Lãi/(Lỗ) từ KQKD trong năm	Tăng do hợp nhất công ty con năm đầu tiên	Tại ngày 31/12/2022
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	-	21.570.283.144	120.045.540.377	141.615.823.521
Cộng	-	21.570.283.144	120.045.540.377	141.615.823.521

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Tổng Giám Đốc




NGUYỄN ĐÌNH TRẠC



